

ĐẶC ĐIỂM CỦA LÝ LUẬN ĐIỂM TỰA: PHÂN TÍCH HƯỚNG XUẤT KHẨU CỦA ĐÀI LOAN

LÝ VINH LONG*

I. LỜI GIỚI THIỆU

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với những ứng dụng và phát triển về khoa học kỹ thuật trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3, nền kinh tế quốc tế đã có nhiều thay đổi, cùng với sự hình thành thôn địa cầu, sự phát triển khoa học kỹ thuật và việc mở rộng thương mại ngày càng gắn bó chặt chẽ với sự phát triển kinh tế⁽¹⁾. Đặc biệt là trong thời kỳ đầu sau chiến tranh, ngoài Mỹ, phần lớn các nước đều đối mặt với áp lực nhập siêu trong thu chi quốc tế. Dưới áp lực nhập siêu này, việc theo đuổi sự phát triển kinh tế là vấn đề rất nghiêm túc. Để theo đuổi mục tiêu chế ước toàn diện về nhập siêu trong thu chi quốc tế và theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, mô hình kinh tế hướng về xuất khẩu sẽ trở thành chiến lược phát triển tốt nhất của rất nhiều nước trong thời kỳ này.

Cũng giống như rất nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, Đài Loan những năm 1940 cũng rơi vào tình trạng kinh tế suy sụp, có thể nói đó là thời kỳ đen tối trong lịch sử phát triển kinh tế. Một trong những nguyên nhân tạo nên tình trạng này là do nửa đầu những năm 1940 rơi đúng vào thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ hai, còn nửa sau lại phải đối mặt với thời kỳ khôi phục kinh tế đầy gian khổ, lúc đó phải sử dụng biện pháp chế ước kinh tế

tạm thời, do đó toàn bộ hoạt động kinh tế gặp phải sóng gió nghiêm trọng⁽²⁾. Nhưng, nguyên nhân thứ hai là do thiếu trầm trọng số liệu thống kê kinh tế. Không có số liệu thống kê kinh tế rất khó tìm hiểu tình hình kinh tế lúc bấy giờ, thiếu hụt trầm trọng số liệu thống kê của chính quyền về tổng kinh ngạch sản xuất quốc dân trong toàn bộ hoạt động kinh tế. Do đó, chúng ta có thể nói rằng, Đài Loan lúc đó có một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu⁽³⁾.

Thế nhưng, đến sau những năm 1960, tình hình có những thay đổi lớn, do Đài Loan sử dụng mô hình phát triển của Nhật Bản, sử dụng chiến lược thay thế nhập khẩu, củng cố thị trường nội địa trước, sau đó tìm thời cơ chuyển các sản phẩm thay thế nhập khẩu sang các sản phẩm xuất khẩu tương đối cao, tạo ra hiệu quả tăng trưởng kinh tế rất cao. Tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu của Đài Loan cao hơn nhiều so với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, tạo ra hiện tượng dựa vào vào xuất khẩu,

* NCS tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu học thuật Trung Sơn, Đại học Trung Sơn. Từ năm 2003 đến nay học tiếng Việt ở Việt Nam

được thế giới coi là khu vực điển hình thành công trong phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, mô hình lý luận điểm tựa này lại không phù hợp với tất cả các nước. Ví dụ, Italia và rất nhiều

nước châu Mỹ La - tinh cũng đều vận dụng chiến lược này, nhưng kết quả thì lại khiến người ta thất vọng⁽⁴⁾. Do đó, Đài Loan luôn được thế giới coi là một “ví dụ điển hình” về lý luận điểm tựa.

Nhưng, vì sao Đài Loan lại trở thành một “ví dụ điển hình”? Điều này quyết không phải là ngẫu nhiên, ngoài nguyên nhân do môi trường quốc tế lúc bấy giờ, điều quan trọng nhất vẫn là Đài Loan có đầy đủ điều kiện phát triển theo hướng xuất khẩu tương đối tốt. Bài viết sẽ lần lượt phân tích và bình luận về yếu tố môi trường quốc tế lúc đó, điều kiện phát triển theo hướng xuất khẩu của Đài Loan, giả thiết về lý luận điểm tựa cùng những kinh nghiệm thành công trong nền kinh tế hướng về xuất khẩu của Đài Loan. Hi vọng tìm ra được căn nguyên của nó, và có thể hiểu thêm lý do tại sao Đài Loan lại là một “ví dụ điển hình” trong lý luận điểm tựa?

II. QUAN ĐIỂM VỀ LÝ LUẬN ĐIỂM TỰA

Lý luận điểm tựa chính là một học thuyết giải thích tại sao các nước trong thế giới thứ ba lại phát triển ở mức độ thấp. Nó bắt nguồn từ Ủy ban kinh tế của châu Mỹ La - tinh năm 1948 (Economic Committee of Latin America, ECLA), một tổ chức Liên Hợp quốc mang tính khu vực (UN). ECLA cho rằng, lý luận kinh tế truyền thống thiên về các nước TBCN hạt nhân, không thích hợp với việc dùng để giải thích sự phát triển của thế giới thứ ba. ECLA cũng cự tuyệt lý luận lợi ích so sánh, không cho rằng sự trao đổi giữa các sản phẩm công nghiệp ở các nước hạt nhân với các sản phẩm thô ở vùng ngoại vi lại có lợi cho tất cả các nước; họ cũng cho rằng thương mại quốc tế cuối cùng cũng chỉ có

lợi cho các nước hạt nhân, và kích thích sự tiến bộ của kỹ thuật cùng sự nâng cấp hơn nữa về công nghiệp của các nước này. Còn các nước vùng ngoại vi chỉ biết dựa dẫm quá nhiều vào xuất khẩu các sản phẩm thô, lại chịu ảnh hưởng của việc giảm giá thành sản phẩm và tính đàn hồi về nhu cầu nhỏ, kết quả là sẽ khó có thể tránh khỏi những tổn thất trong mậu dịch đối ngoại, từ đó khiến các nước ngoại vi giảm dần tích lũy vốn. Nói cách khác, tích lũy vốn chỉ có thể hình thành ở các nước hạt nhân chứ không phải ở các nước vùng ngoại vi

Ví dụ, trong những năm 1950, nhiều nước châu Mỹ La - tinh, khi mới nắm chính quyền đều chương bảng “chính quyền dân túy” (Populist regimes) dân chủ, họ sử dụng biện pháp thay thế nhập khẩu, thực hiện chính sách bảo hộ và công nghiệp hoá để tăng trưởng kinh tế, thậm chí còn coi đó là biện pháp thực thi dân chủ. Nhưng, đến đầu những năm 1960, chính sách mở rộng kinh tế bằng thay thế nhập khẩu đã tạo ra những vấn đề khó khăn trong kinh tế như sự phát triển kinh tế không sáng sủa, tỷ lệ thất nghiệp cao, lạm phát mạnh, xuất nhập khẩu suy thoái nghiêm trọng và rất nhiều khó khăn kinh tế khác. Những vấn đề kinh tế nghiêm trọng này cũng dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền dân túy, khiến chính quyền quân sự (Military Authoritarian regimes) đẩy uy lực có cơ hội chấp chính⁽⁶⁾.

Nhưng, nếu xuất phát từ quan điểm lịch sử và toàn cầu để phân tích lý luận điểm tựa, thì sẽ có một cách giải thích mới về sự phát triển của thế giới thứ ba. Quan điểm lấy sự phát triển của các nước vùng ngoại vi và thế giới thứ ba làm xuất phát điểm, thách thức với quan điểm lý luận

hiện đại hoá coi xuất phát điểm là các nước tiên tiến, cũng tức là kiểm nghiệm sự phát triển bằng quan điểm của các nước thành thị. Hơn nữa, hướng nghiên cứu của lý luận điểm tựa lại không mấy lạc quan đối với kết quả tăng trưởng kinh tế nhanh của các nước thế giới thứ ba, nhưng, nó cho rằng sự phát triển của thế giới thứ ba không đơn thuần chỉ là sử dụng các hạng mục hiện đại hoá của các nước phát triển để khắc phục những trở ngại truyền thống trong nước. Lý luận điểm tựa đã chỉ rõ hơn, vấn đề chính trong sự phát triển của các nước thế giới thứ ba nằm ở chỗ các nước chậm phát triển đã làm theo quan hệ cơ cấu bên ngoài của các nước phát triển. Nhìn chung, các nước thế giới thứ ba đều dựa vào các nước tiên tiến hạt nhân, bởi vì chính bản thân họ nằm trong tình trạng dựa dẫm, dẫn đến thiếu năng lực phát triển của chính mình⁽⁶⁾.

Cũng có thể nói, khi một số nước hạt nhân đủ sức mở rộng ảnh hưởng và có khả năng đứng vững thì những nước ngoại vi phải dựa vào sự mở rộng ảnh hưởng và tự lập của các nước này, càng chịu nhiều ràng buộc. Về cơ bản, những nước chịu ràng buộc cũng là sự phản ánh mức độ mở rộng ảnh hưởng của các nước hạt nhân, điều đó được gọi là tình hình mở rộng. Hiện tại, các học giả theo quan điểm lý luận điểm tựa đều bàn về vấn đề trọng điểm, kỳ thực quá trình phát triển kinh tế, xã hội và chính trị nội tại của các nước thế giới thứ ba chịu sự vận hành của cơ cấu hệ thống chủ nghĩa tư bản thế giới ra sao đều ảnh hưởng đến sự ràng buộc và việc xây dựng mô thức trong mối quan hệ với các nước phát triển. Mà những nhân tố bên ngoài ảnh hưởng tới thế giới thứ ba lại bao gồm

viện trợ nước ngoài, thương mại quốc tế, nguồn vốn, kỹ thuật và đầu tư của các công ty đa quốc gia v.v...⁽⁷⁾.

Từ những trình bày trên về lý luận điểm tựa, có thể hiểu một cách cơ bản là Đài Loan luôn đóng vai các nước và lãnh thổ ngoại vi. Có thể nói, kể từ khi phải dựa vào thị trường Nhật Bản trong thời kỳ Nhật chiếm, đến khi chịu sự ràng buộc của Mỹ và Nhật sau Chiến tranh (sau thời kỳ khôi phục), Đài Loan đều thể hiện rõ đặc điểm ngoại vi của mình. Điều này cũng chính là nhân tố mang tính cơ cấu giải thích tại sao Đài Loan phải tích cực phát triển theo “mô hình kinh tế hướng về xuất khẩu”. Nhưng, tại sao cuối cùng Đài Loan có thể trở thành “ví dụ điển hình” của lý luận điểm tựa? Điều này cần tham khảo các nhân tố liên quan khác, dưới đây xin bàn sâu về điều kiện phát triển kinh tế của Đài Loan, nhân tố môi trường quốc tế và các nhân tố liên quan khác.

III. ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THEO HƯỚNG XUẤT KHẨU Ở ĐÀI LOAN

Sự phát triển kinh tế luôn là một bộ phận của quá trình lịch sử diễn biến không ngừng. Theo đó, chiến lược phát triển phải được điều chỉnh tùy thuộc vào sự biến đổi của hoàn cảnh khách quan. Nhưng, trong nền kinh tế thị trường, có 3 điều kiện cơ bản không thể không có hoặc thiếu đi, dù là sách lược phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu cũng không phải ngoại lệ. Dưới đây, chúng ta lần lượt lấy ví dụ so sánh các nước khác với Đài Loan, hi vọng từ đó có thể tìm thấy những điều gợi mở.

Thứ nhất, sự tồn tại của thị trường cầu

Việc các nhà kinh tế học không ngừng tranh luận xem cung và cầu cái nào có trước cái nào có sau cũng giống như tranh luận về việc trứng đẻ ra gà hay gà đẻ ra trứng, nhưng nếu bàn về sự phát triển kinh tế theo mô hình hướng ngoại thì sự tồn tại của thị trường cầu là điều kiện tất yếu, bởi vì nếu không có cầu, hoặc quản chế thị trường, bên bán sẽ bất lực. Ví dụ, sau Chiến tranh, một trong những nguyên nhân khiến Tây Đức chọn lựa chính sách thúc đẩy xuất khẩu bằng cách phá giá hoặc có thể nói một trong những nguyên nhân thành công của Tây Đức là: khi đó thương mại quốc tế đang mở rộng, Tây Đức có cơ hội tìm kiếm được sự gia tăng nhu cầu trên thị trường quốc tế, từ đó có có chiến lược phát triển hướng ra bên ngoài mới thành công.⁽⁸⁾

Còn Đài Loan, khi đó, để đối phó với các nước XHCN, Mỹ đã tích cực nâng đỡ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Philippin, không ngừng mở cửa thị trường trong nước, mở ra thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các nước này. Và Đài Loan cũng tự mình nhanh chóng gia nhập vào hàng ngũ phát triển, đây là điểm quan trọng có lợi mà nhân tố môi trường quốc tế tạo ra; hơn nữa, Đài Loan lúc đó, *một mặt* do kinh tế suy sụp, đòi hỏi cấp thiết là phải lấy xuất khẩu ngoại thương để vực sự phát triển công thương nghiệp, *mặt khác*, Đài Loan cũng sử dụng các chính sách thúc đẩy phá giá để xuất khẩu, dùng biện pháp trả lương cực thấp và tạo điều kiện cực kỳ ưu đãi, tích cực mở rộng thị trường nước ngoài. Đây là nhân tố có lợi cho thị trường cầu của Đài Loan.

Thứ hai, khả năng cung

Đứng trước thị trường mở rộng, cần phải có sản phẩm có khả năng thoả mãn nhu cầu thị trường, mới có thể tham gia cạnh tranh, và có chỗ đứng trên thị trường rộng lớn. Ví dụ, do cơ cấu ngành nghề của Italia tương đối cứng nhắc, sức cạnh tranh trên thị trường thấp, nên dù đã áp dụng sách lược mà Tây Đức đã lựa chọn nhưng cuối cùng sự phát triển kinh tế và thương mại của nước này cũng không bì kịp Tây Đức. Còn châu Mỹ La - tinh và rất nhiều nước đang phát triển có phần lớn các sản phẩm thô xuất khẩu có liên quan đến đất đai, khả năng cung ứng chịu sự phụ thuộc vào diện tích đất, thì dù có xuất khẩu cũng không dễ phát triển. Do đó, năng lực cung cấp sản phẩm là điều kiện tiên quyết của sự phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu⁽⁹⁾.

Với Đài Loan, từ sau những năm 1960, Đài Loan đã sử dụng một loạt các chính sách khuyến khích xuất khẩu, như xây dựng các khu gia công xuất khẩu, thực hiện chế độ vay ưu đãi đối với các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu...⁽¹⁰⁾. Những chính sách biện pháp này đã giúp thúc đẩy việc mở rộng xuất khẩu trong những năm 1960. Hơn thế, chính quyền cũng luôn tích cực hạn chế sản xuất nông nghiệp, giải phóng một khối lượng lớn nhân khẩu lao động nông thôn, cung cấp lực lượng lao động cần thiết cho các ngành công nghiệp, những điều này đã thúc đẩy khả năng cung của Đài Loan.

Thứ ba, phối hợp các biện pháp cơ bản

Các biện pháp cơ bản bao gồm rất nhiều yếu tố, liên quan chặt chẽ nhất tới sự phát triển kinh tế là: giao thông, vận tải, kho bãi, thông tin và giáo dục, bởi vì hàng hoá phải được vận chuyển từ nơi cung cấp đến

nơi có nhu cầu, giá thành vận chuyển và thời gian vận chuyển là những nhân tố cạnh tranh quan trọng. Yếu tố cạnh tranh trong cùng loại sản phẩm rất đa dạng, trong đó phương tiện vận chuyển chủ yếu liên quan đến sản phẩm là nhân tố quan trọng, quyết định thắng lợi. Mà, thương mại đương nhiên cần có sự thay đổi về cơ cấu sản phẩm thương mại trong sự phát triển động thái, cũng có thể đơn giản, là sự điều chuyển các sản phẩm tập trung lao động phù hợp với sự tiến triển động thái. Giáo dục vì thế đóng vai trò rất quan trọng⁽¹¹⁾.

Về tình hình chuẩn bị các thiết bị cơ bản, cho dù là các kiến thiết thể cứng hay thể mềm của Đài Loan đều có những tiến bộ lớn trong việc xây dựng cả yếu tố phần cứng lẫn phần mềm. Ví dụ, các công trình xây dựng cơ sở như thương cảng quốc tế, sân bay quốc tế, kiến trúc đường cao tốc Bắc - Nam, thực hiện toàn diện điện khí hoá đường sắt v.v... đều đã lần lượt hoàn thành. Ngoài ra, những năm gần đây Đài Loan tích cực nâng cao tố chất giáo dục, thúc đẩy mạnh mẽ hơn cơ sở quan trọng phát triển Đài Loan hướng theo xuất khẩu.

Trên đây đã đề cập đến 3 điều kiện lớn, chính là điều kiện cơ bản quan trọng để Đài Loan phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu, khi đó với sự kết hợp của nhiều bối cảnh và điều kiện chủ khách quan, Đài Loan mới có thể bước vào hàng ngũ các nước và khu vực phát triển một cách thuận lợi, do đó đây là điểm mấu chốt của Đài Loan, cũng là yếu tố để xem xét Đài Loan có thể tiếp tục phát triển được hay không. Dưới đây sẽ bàn về những nhân tố khác giúp Đài Loan phát triển thành công theo hướng xuất khẩu.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH:

1. Peter N. Stearns, *The Industrial Revolution in World History*, (San Francisco: Westview Pres, 1993), pp.197-174

2. Là chỉ lạm phát xấu, cơ cấu kinh tế không kiện toàn và số dân khẩu tăng nhanh. Xin tham khảo Lâm Chung Hùng: *100 năm kinh nghiệm kinh tế Đài Loan*, Đài Bắc: Tam dân, 1998, tr 82-87

3. Căn cứ vào số liệu của Paul Bairoci, chuyên gia kinh tế sử Pháp, bình quân thu nhập của thế giới thứ ba năm 1950 là 203 USD, năm 1960 là 250 USD. Nhưng bình quân đầu ngowif năm 1950 của Đài Loan là 196 USD, năm 1960 chỉ có 154 USD, có thể nói thấp hơn các nước trong thế giới thứ ba. Dẫn từ Lâm Kim Hùng, đã dẫn, tr 143.

4. J. Eatwell, M. Milgate and P. Newman, (eds.) *The New Palgrave Dictionary of Economics*, (New York: The Macmillan Press, 1988), pp. 737-738

5. Tống Trán Chiêu: Phát triển chính trị kinh tế học: Lý luận và thực tiễn, Đài Loan: Ngũ Nam, 1995, tr, 46 - 47

6. Dos Santos đã từng nói: “dựa vào là chỉ một tình huống, trong tình huống đó, kinh tế của một số nước ràng buộc sự phát triển và mở rộng của kinh tế các nước khác ... mà những nước ngoài vì còn bị một số các nước chi phối bóc lột, là trạng thái lạc hậu ...” xin tham khảo Dos Santos, Theotonie, “The Structure of Dependence”, *American Economic Review*, Vol. 60, pp 231- 236.

7. Tống Trán Chiêu, đã dẫn, tr 52 – 53

8. Lâm Chung Hùng, đã dẫn, tr 142.

9. Lâm Chung Hùng, đã dẫn, tr 142-143.

10. Tiết Kỳ chủ biên: Luận văn phát triển thương mại đối ngoại Đài Loan, Đài Bắc, Liêu Kinh, 1994, tr 26.

11. Lâm Chung Hùng, đã dẫn, tr 143